CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI

Hôm nay, vào lúc 8 giờ ngày 08/10/2021 tại văn phòng Thanh tra thành phố, chúng tôi gồm có:

- Ông Phạm Đức Hoàng - Chánh thanh tra
- Bà Nguyễn Thị Kiều Trang - Kế toán

Có sự chứng kiến của:

- Ông Phạm Văn Chiến - Chuyên viên

Tiến hành niêm yết công khai số liệu điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2021 tại Bảng thông tin của cơ quan./.

Kế toán	**CHÁNH THANH TRA**
Nguyễn Thị Kiều Trang	**Phạm Đức Hoàng**

Người chứng kiến

Phạm Văn Chiến

UBND THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
THANH TRA THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 817 /QĐ-TTTP

Biên hòa, ngày 08 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021 của Thanh tra thành phố Biên Hòa

CHÁNH THANH TRA THÀNH PHỐ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 9055/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2021 của UBND thành phố Biên Hòa về việc điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2021 của Thanh tra thành phố Biên Hòa (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Toàn bộ các bộ cơ quan Thanh tra thành phố thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (thực hiện);
- UBND thành phố (báo cáo);
- Phòng TCKH thành phố;
- Lưu: VT.

CHÁNH THANH TRA

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
THANH TRA VIỆT NAM
THANH TRA TP. BIÊN HÒA T. ĐỒNG NAI

Phạm Đức Hoàng

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Thanh tra thành phố Biên Hòa

Chương: 637

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2021

(Kèm theo Quyết định số 817 /QĐ-TTTP ngày 08 / 10 / 2021 của Thanh tra thành phố Biên Hòa)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh
1	2	3
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
I	**Số thu phí, lệ phí**	
1	Lệ phí	
	Lệ phí…	
	Lệ phí…	
2	Phí	
	Phí …	
	Phí …	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	
1	***Chi sự nghiệp……..***	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	***Chi quản lý hành chính***	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	
1	***Lệ phí***	
	Lệ phí…	
	Lệ phí…	
2	Phí	
	Phí …	
	Phí …	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**-47,424,033**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**-47,424,033**
1	**Chi quản lý hành chính**	**-47,424,033**
1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**-36,624,033**
1.1.1	Thanh toán cá nhân	
1.1.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên	-35,324,033
1.1.2	Kinh phí Đảng	-1,300,000
1.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**-10,800,000**
	Hỗ trợ giải quyết đơn và tiếp công dân	-10,800,000
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	**Nguồn vốn viện trợ**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Dự án A	

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh
2.2	Dự án B	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Dự án A	

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh
9.2	Dự án B	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 9055 /QĐ-UBND	*Biên Hòa, ngày 03 tháng 10 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính Phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Công văn số 158/CV-HĐND ngày 07/9/2021 của Thường trực HĐND thành phố về việc bổ sung số tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 vào dự phòng ngân sách thành phố để phục vụ công tác phòng, chống Covid-19;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 100/TTr-TCKH ngày 02 tháng 10 năm 2021 về việc giao điều chỉnh, dự toán chi ngân sách năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 cho Thanh tra thành phố Biên Hòa, với số tiền **47.424.033 đồng** *(Bốn mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, không trăm ba mươi ba đồng)* (phân bổ nội dung cụ thể theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Chánh Thanh tra thành phố Biên Hòa có trách nhiệm tổ chức điều hành và thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước được giao theo đúng các quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố Biên Hòa, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Chánh Thanh tra thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký và Kho Bạc Nhà nước tỉnh Đồng Nai phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các PCT/UBND thành phố;
- Chánh, các PVP.HĐND-UBND thành phố;
- Lưu VT, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Liên

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND thành phố Biên Hòa)

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

Đơn vị: THANH TRA BIÊN HOÀ

Mã số: 1063809

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng số
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:**	**0**
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**-47.424.033**
1	**Chi quản lý hành chính:**	**-47.424.033**
1.1	***Kinh phí thực hiện tự chủ***	***-36.624.033***
1.1.1	Kinh phí hoạt động thường xuyên	-35.324.033
1.1.2	Kinh phí Đảng	-1.300.000
1.2	***Kinh phí không thực hiện tự chủ :***	***-10.800.000***
1.2.1	Hỗ trợ giải quyết đơn và tiếp công dân	-10.800.000